

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21 /2009/QĐ-UBND

Long Xuyên, ngày 17 tháng 6 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số Điều trong Quyết định 11/2008/QĐ-UBND ngày 31/3/2008 của UBND tỉnh về việc ban hành Bản Quy định về quản lý nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 196/TTr-SNN-CC ngày 03 tháng 6 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều trong Quyết định số 11/2008/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bản quy định về quản lý nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh An Giang.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

Điều 1: Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Đối tượng áp dụng của Quy định này là các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có các hoạt động liên quan đến nuôi cá tra, cá basa; các cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về nuôi trồng thủy sản.

2. Phạm vi điều chỉnh của Quy định này là hoạt động nuôi cá tra, cá basa theo hình thức ao hầm và lồng bè (không kể loại hình nuôi giống) của các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

Điều 6. Tổ chức và cá nhân nuôi cá tra, cá basa trên địa bàn tỉnh phải có giấy xác nhận đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản do chính quyền cấp xã, phường, thị trấn xác nhận thông qua bảng đăng ký nuôi trồng thủy sản (tại mẫu 1). Giấy xác nhận đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản phải đảm bảo đủ các điều kiện sau:

1. Đối với nuôi ao hồ:

a) Phù hợp với quy hoạch phát triển nuôi thủy sản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng mục đích nuôi trồng thủy sản. Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa đúng mục đích cho nuôi trồng thủy sản thì phải lập thủ tục xin chuyển mục đích theo trình tự thủ tục nêu tại phụ lục 1 (kèm theo các mẫu 2a, 2b và 2c);

c) Về thủ tục môi trường:

- Đối với ao nuôi có diện tích mặt nước dưới 10 ha: Trường hợp chưa nuôi phải lập bản cam kết bảo vệ môi trường (mẫu 3a); trường hợp đã nuôi phải lập đề án bảo vệ môi trường (mẫu 3b) gửi phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện hoặc UBND xã, phường, thị trấn (đối với trường hợp UBND cấp huyện ủy quyền cho UBND cấp xã xác nhận) để được xác nhận (không phải kèm theo hồ sơ cam kết bảo vệ môi trường như: báo cáo đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh hoặc tài liệu tương đương);

- Đối với ao nuôi có diện tích mặt nước từ 10 ha trở lên phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định, phê duyệt theo quy định;

d) Phải đảm bảo quy trình, kỹ thuật nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm (mẫu 4).

2. Đối với nuôi lồng bè:

a) Phù hợp với quy hoạch phát triển nuôi thủy sản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Có giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (bè cá) (phụ lục 2);

c) Về thủ tục môi trường: Phải lập bản cam kết bảo vệ môi trường đối với trường hợp chưa nuôi (mẫu 5a) hoặc đề án bảo vệ môi trường đối với trường hợp đã nuôi (mẫu 5b) gửi phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện hoặc UBND xã, phường, thị trấn (đối với trường hợp UBND cấp huyện ủy quyền cho UBND cấp xã xác nhận) để được xác nhận (không phải kèm theo hồ sơ cam kết bảo vệ môi trường như: báo cáo đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh hoặc tài liệu tương đương);

d) Phải đảm bảo quy trình, kỹ thuật nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm (mẫu 4).

3. Chính quyền cấp xã được phép xác nhận vào bảng đăng ký nuôi trồng thủy sản của hộ nuôi khi hộ nuôi có làm đầy đủ các thủ tục về chuyển mục đích sử dụng đất cho nuôi trồng thủy sản, đăng ký bảo vệ môi trường (trong đó hộ nuôi phải có đăng ký về thời gian hoàn thành các thủ tục trên trong thời hạn tối đa cho phép của cơ quan quản lý chuyên ngành)

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành và UBND huyện, thị, thành có liên quan tổ chức hậu kiểm kết quả thực hiện về bảng đăng ký này.

Điều 2: Ban hành kèm theo Quyết định này là Sổ Đăng ký nuôi trồng thủy sản trong đó bao gồm các mẫu, phụ lục được sắp xếp theo thứ tự như sau: mẫu 1, phụ lục 1 (kèm theo mẫu 2a, 2b, 2c) mẫu 3a, mẫu 3b, mẫu 4, phụ lục 2, mẫu 5a và mẫu 5b được quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này. Các phụ lục, mẫu gốc này được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm in mẫu Sổ Đăng ký nuôi trồng thủy sản phát miễn phí cho các hộ nuôi thủy sản thông qua chính quyền cấp xã với số lượng phù hợp thực tế, tránh lãng phí.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi Trường, Thủ trưởng các Sở, ban ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân tham gia nuôi cá tra, cá basa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Huỳnh Thế Năng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐĂNG KÝ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN.

Tên chủ hộ/ cơ sở nuôi thủy sản:

.....

Địa chỉ: (tổ, xóm/ấp, phường/xã/thị trấn, huyện).....

.....

Vùng nuôi nằm trong quy hoạch: Có: Không:

Đối tượng nuôi:

Mô hình nuôi:.....

- Số lượng lồng, bè (nếu nuôi lồng bè):.....

- Diện tích ao nuôi (nếu nuôi ao hầm).....

Sản lượng dự kiến (kg):.....

Căn cứ Quyết định số: 21/2009/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2009 của UBND tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số Điều trong Quyết định số 11/2008/QĐ-UBND ngày 31/3/2008 của UBND tỉnh về việc ban hành Bản quy định về quản lý nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Đính kèm theo bảng đăng ký này là các thủ tục đã đăng ký: (1) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mục đích nuôi trồng thủy sản (2) giấy xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường (trong đó hộ nuôi phải có đăng ký về thời gian hoàn thành các thủ tục trên trong thời hạn tối đa cho phép của cơ quan quản lý chuyên ngành). (3) Kết quả kiểm tra điều kiện nuôi thủy sản thương phẩm.

Xác nhận của Chính quyền cấp xã
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, ngày xác nhận)

Người đăng ký
(ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 1**Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sang đất nuôi trồng thủy sản****1. Hồ sơ nộp tại Bộ phận nhận và trả kết quả của cấp huyện gồm:**

- a) Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất (mẫu 2a);
- b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại các tổ chức tín dụng (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do các tổ chức tín dụng lưu giữ) thì phải có Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (bản photo) và giấy ủy quyền đổi giấy chứng nhận (mẫu 2b).

Thời gian giải quyết hồ sơ và trả kết quả: thời hạn trích lục, trích đo, lập thủ tục cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và trả kết quả là không quá 15 ngày không kể thời gian đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với Tổ chức tín dụng.

2. Trình tự thực hiện**a) Văn phòng đăng ký quyền sử dụng cấp huyện**

Kiểm tra, tiếp nhận và thực hiện nghiệp vụ chuyên môn. Thực hiện trích lục hoặc trích đo địa chính khu đất; gửi bộ hồ sơ có liên quan đến cơ quan Thuế để xác định mức thu nghĩa vụ tài chính, chuyển bộ hồ sơ đến phòng Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 7 ngày.

b) Cơ quan Thuế

Tiếp nhận hồ sơ, xác định mức thu nghĩa vụ tài chính về đất đai mà hộ gia đình, cá nhân phải thực hiện và gửi kết quả đến Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh trong thời hạn 5 ngày.

c) Phòng Tài nguyên và Môi trường

Thẩm tra hồ sơ, thực hiện nghiệp vụ chuyên môn trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ký quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong thời hạn 03 ngày.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện

Ký quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển hồ sơ cho phòng Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 02 ngày.

đ) Phòng Tài nguyên và Môi trường

Nhận quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển hồ sơ cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện để trả kết quả trong thời hạn 02 ngày.

Trường hợp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổ chức tín dụng thì phải xác nhận những nội dung của giấy chứng nhận mới cấp thay thế những nội dung của giấy chứng nhận cũ (mẫu 2c).

e) Văn phòng đăng ký quyền sử dụng cấp huyện

Nhận quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thông báo mức nghĩa vụ tài chính cho người phải thực hiện; kiểm tra việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính và trao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất.

Trường hợp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổ chức tín dụng thì ghi nội dung biến động đăng ký thế chấp trên trang bổ sung (theo qui định) của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cấp để làm cơ sở đổi giấy chứng nhận trong thời hạn 01 ngày.

Lập thủ tục giao nhận đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với các tổ chức tín dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 2a

ĐƠN XIN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

Kính gửi :.....

PHÂN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ Vào sổ tiếp nhận hồ sơ:Giờ....phút, ngày.../.../..... Quyền số, Số thứ tự..... Người nhận hồ sơ (Ký, ghi rõ họ tên)

I- KÊ KHAI CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

(Xem hướng dẫn cuối đơn này trước khi viết đơn; không tẩy xóa, sửa chữa nội dung đã viết)

1. Người sử dụng đất:

1.1 Tên người sử dụng đất (Viết chữ in hoa):.....

.....

.....

1.2 Địa chỉ.....

.....

2. Thửa đất xin chuyển mục đích sử dụng:

2.1. Thửa đất số:.....; 2.2. Tờ bản đồ số:.....;

2.3. Địa chỉ tại:.....

.....;

2.4. Diện tích thửa đất:..... m²; 2.5. Mục đích sử dụng đất:.....;

2.6. Thời hạn sử dụng đất:.....;

2.7. Nguồn gốc sử dụng đất:

.....;

2.8. Tài sản gắn liền với đất:.....

.....

2.9. Nghĩa vụ tài chính về đất đai:.....

2.10. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:
 - Số phát hành:..... (Số in ở trang 1 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)
 - Số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất:....., ngày cấp .../.../.....

3. Mục đích sử dụng đất xin được chuyển sang:

.....

4- Giấy tờ nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thửa đất nói trên

-
.....
-
.....
-

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 2a

II- KẾT QUẢ THẨM TRA CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	
.....	
Ngày..... tháng..... năm Người thẩm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày..... tháng..... năm Thủ trưởng cơ quan tài nguyên và môi trường (Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn viết đơn

- Đơn này dùng trong các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép
- Đề gửi: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thì đề gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất; Tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì đề gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi có đất.
- Điểm 1 ghi tên và địa chỉ của người sử dụng đất như trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các thông tin như sau: đối với cá nhân ghi rõ họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND; đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài và cá nhân nước ngoài ghi họ, tên, năm sinh, số hộ chiếu, ngày và nơi cấp hộ chiếu, quốc tịch; đối với hộ gia đình ghi chữ "Hộ ông/bà" và ghi họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND của cả vợ và chồng người đại diện cùng sử dụng đất; trường hợp quyền sử dụng đất là tài sản chung của cả vợ và chồng thì ghi họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND của vợ và của chồng; đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, ngày tháng năm thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc số giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;
- Điểm 2 ghi các thông tin về thửa đất hiện đang sử dụng như trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Điểm 3 ghi rõ mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất xin được chuyển sang; trường hợp chuyển mục đích một phần diện tích thửa đất thì ghi thêm diện tích xin chuyển mục đích sử dụng;
- Người viết đơn ký và ghi rõ họ tên ở cuối phần khai của người sử dụng đất; trường hợp ủy quyền viết đơn thì người được ủy quyền ký, ghi rõ họ tên và ghi (được ủy quyền); đối với tổ chức sử dụng đất phải ghi họ tên, chức vụ người viết đơn và đóng dấu của tổ chức.

Mẫu 2b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Đôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp

Tôi tên:

Sinh ngày:, Giấy chứng minh nhân dân số:

....., cấp ngày, tại

Thường trú tại:

Nay tôi ủy quyền cho Tổ chức tín dụng:

.....,

trụ sở tại:

.....

đôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp của gia đình (hoặc cá nhân) tôi đang thế chấp tại Tổ chức tín dụng:

.....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung ủy quyền trên đây.

Ngày tháng năm

Bên nhận ủy quyền

Tổ chức tín dụng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm

Bên ủy quyền

Người sử dụng đất

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN

Của UBND (cấp xã)

.....
.....
.....
.....

Chủ tịch

(Ghi rõ họ tên, ký đóng dấu)

Mẫu 2c**UBND HUYỆN.....**
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GXN- TNMT

....., ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN
Về việc cấp đổi giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất

Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận như sau:

Hộ Ông:, Sinh ngày:.....
Số CMND, cấp ngày, nơi cấp,
và Bà:, Sinh ngày:.....
Số CMND, cấp ngày, nơi cấp

Thường trú tại:

Đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ số:
....., ngày, với các thông tin chủ yếu về thửa đất như sau:

STT	Thửa đất số	Tờ BĐ số	Địa chỉ khu đất	Diện tích	Hình thức sử dụng	Mục đích SD
1						
2						

Nay được UBND huyện **cấp đổi**
GCNQSDĐ số:, ngày, với các thông tin chủ yếu về thửa
đất như sau:

STT	Thửa đất số	Tờ BĐ số	Địa chỉ khu đất	Diện tích	Hình thức sử dụng	Mục đích SD
1						
2						

Giấy xác nhận này làm cơ sở để đổi GCNQSDĐ đang thế chấp tại Tổ chức tín dụng:
....., địa chỉ**Nơi nhận:**

- Tổ chức tín dụng
- Văn phòng ĐKQSDĐ;
- Lưu VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Mẫu 3a

BẢN CAM KẾT
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
HOẠT ĐỘNG NUÔI CÁ AO HẦM

- Cá nhân/đơn vị nuôi:
- Khu vực nuôi:
-

....., tháng năm 200

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:.....

V/v đề nghị xác nhận đăng ký
bản cam kết bảo vệ môi trường
cho hoạt động nuôi cá ao hầm

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi:

Tôi tên là:....., chủ khu nuôi cá ao
hầm

Địa điểm hoạt động:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: Fax: Email.....

Xin gửi đến:những hồ sơ sau:

- 05 (năm) bản cam kết bảo vệ môi trường hoạt động nuôi cá ao hầm.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên và cam kết rằng: Dự án của chúng tôi không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và quy định của các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định được trích lục và sử dụng trong các hồ sơ nêu trên của chúng tôi là đúng sự thực và đang có hiệu lực áp dụng.

Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghịxem xét,
đăng ký và cấp giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của hoạt động nuôi cá ao hầm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

Chủ ao nuôi

.....
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....-GXN , ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Hoạt động nuôi cá ao hầm của “.....”

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Ông (Bà),

..... **XÁC NHẬN**

Điều 1. Chủ khu nuôi cá ao hầm là đã có Văn bản số ngày tháng ... năm đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường cho hoạt động nuôi cá ao hầm.

Điều 2. Chủ khu nuôi cá ao hầm có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Xây dựng xong các hệ thống xử lý môi trường, được kiểm tra, xác nhận trước khi tiến hành nuôi thủy sản.

2. Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động khác nêu trong bản cam kết đã được xác nhận. Đảm bảo chất thải đầu ra đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về môi trường.

3. Khi triển khai thực hiện nếu có gây ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường thì phải có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Bản cam kết bảo vệ môi trường của hoạt động nuôi cá ao hầm và Giấy xác nhận này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công và vận hành của hoạt động nuôi cá ao hầm.

Điều 4. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ông/Bà;
-
- Lưu.

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Chủ ao nuôi:

1.2. Địa chỉ liên hệ:, tổ
 ấp (khóm), xã (phường, thị trấn)
 huyện (thị, thành phố), tỉnh An Giang.

1.3. Phương tiện liên lạc:

- Số điện thoại:
- Số Fax:

II. ĐỊA ĐIỂM AO NUÔI

Địa chỉ ao nuôi: tổ, ấp (khóm), xã (phường, thị trấn)
, huyện (thị, thành phố) tỉnh An Giang.

- Phía trước tiếp giáp với:
-
- Phía sau tiếp giáp với:
-
- Phía phải tiếp giáp với:
-
- Phía trái tiếp giáp với:
-

III. QUY MÔ NUÔI

3.1. Tổng diện tích đất: m².

3.2. Tổng diện tích mặt nước: m².

3.3. Số ao nuôi: ao.

- Diện tích ao 1: m².
- Diện tích ao 2: m².
- Diện tích ao 3: m².
-
-

3.4. Ao xử lý nước thải: ao

- Diện tích ao 1: m².
- Diện tích ao 2: m².

- Diện tích ao 3: m².

-

-

3.5. Sản lượng sản xuất: vụ/năm, sản lượng thu hoạch: tấn/năm.

3.6. Diện tích nhà kho: m².

3.7. Diện tích đất còn lại: m².

3.8. Số lượng máy bơm nước sử dụng: máy.

IV. NHU CẦU NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU SỬ DỤNG

4.1. Loại thức ăn sử dụng:

- Công nghiệp: Tấn/tháng

- Tự chế: Tấn/tháng

- Khác: Tấn/tháng

4.2. Nhiên liệu sử dụng cho máy bơm:

- Điện: KW/tháng

- Dầu: lít/tháng

- Khác: /tháng

4.3. Nguồn cung cấp nước:

- Nguồn cung cấp nước cho hoạt động của ao nuôi cá:

• Sông m³/ngày đêm.

• Kênh m³/ngày đêm.

• Rạch m³/ngày đêm.

❖ Số lượng công nhân: người.

❖ Dự kiến ngày đi vào hoạt động của ao nuôi:

V. CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

5.1. Các loại chất thải phát sinh:

5.1.1. Khí thải, tiếng ồn:

- Nguồn phát sinh khí thải:

+ Máy nổ

+ Lò nấu

+ Khác

- Nguồn phát sinh tiếng ồn:

+ Máy nổ

+ Khác

5.1.2. Nước thải:

- Nước thải từ ao nuôi:..... m³/ngày đêm;
- Môi trường tiếp nhận nước thải:
 - + Sông
 - + Kênh
 - + Rạch

5.1.3. Rác thải:

- Rác thải từ khu nuôi cá:
 - + Bao bì kg/ngày.
 - + Xác cá chết kg/ngày.
 - + Bùn ao m³/lần nạo vét
- Rác thải sinh hoạt: kg/ngày.

5.1.4. Chất thải khác (nếu có):.....

5.2. Các tác động khác (nếu có):

VI. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC

6.1. Biện pháp xử lý chất thải:

6.1.1. Biện pháp xử lý khí thải, tiếng ồn:

- Biện pháp giảm thiểu khí thải:
 - + Gắn thiết bị lọc khí cho các máy nổ
 - + Trồng cây xanh xung quanh khu vực nuôi cá
 - + Khác
- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:
 - + Lắp đặt thiết bị giảm thanh
 - + Xây hầm máy chứa các máy nổ
 - + Khác

6.1.2. Biện pháp xử lý nước thải:

a. Xử lý tự nhiên

Diện tích mặt nước ao nuôi và ao xử lý theo tỉ lệ 1:1. Thời gian nước thải tồn lưu và tự lắng từ 24 – 28 giờ.

b. Xử lý tự nhiên phối hợp cây lục bình

Diện tích mặt nước ao xử lý có lục bình bằng 1/3 diện tích mặt nước ao nuôi. Thời gian nước thải tồn lưu và tự lắng từ 8 - 12 giờ.

c. Xử lý sinh học phối hợp cơ học

Diện tích mặt nước ao xử lý bằng 1/4 diện tích mặt nước ao nuôi. Nước thải trong ao xử lý được sục khí liên tục. Thời gian nước thải tồn lưu và tự lắng khoảng 8 giờ.

d. Xử lý bằng phương pháp khác:

.....
.....

6.1.3. Biện pháp xử lý rác thải:

❖ Rác thải từ khu nuôi cá:

- Bao bì:

+ Bán

+ Tái sử dụng

+ Khác

- Xác cá chết:

+ Chôn lấp hợp vệ sinh

+ Bán làm thức ăn cho cá

+ Khác

- Bùn ao:

+ Ao chứa bùn

+ Sân phơi bùn

+ Khác

❖ Rác thải sinh hoạt:

- Chôn lấp

- Đốt

- Xe thu gom

- Khác

6.2. Biện pháp giảm thiểu các tác động khác (nếu có):

.....
.....
.....

6.3. Biện pháp giám sát môi trường nước thải sau xử lý:

- Vị trí lấy mẫu: Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý.
- Tần suất giám sát: 02 lần/năm
- Các chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng (SS) .

Tiêu chuẩn áp dụng so sánh đối chiếu: tiêu chuẩn nước thải công nghiệp TCVN 5945 : 2005

VII. CAM KẾT THỰC HIỆN

Cam kết không thải bất cứ chất thải nào khác gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

Xây dựng xong các hệ thống xử lý môi trường, được Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác nhận trước khi tiến hành nuôi thủy sản.

Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động khác nêu trong bản cam kết đã được xác nhận. Đảm bảo chất thải đầu ra đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về môi trường.

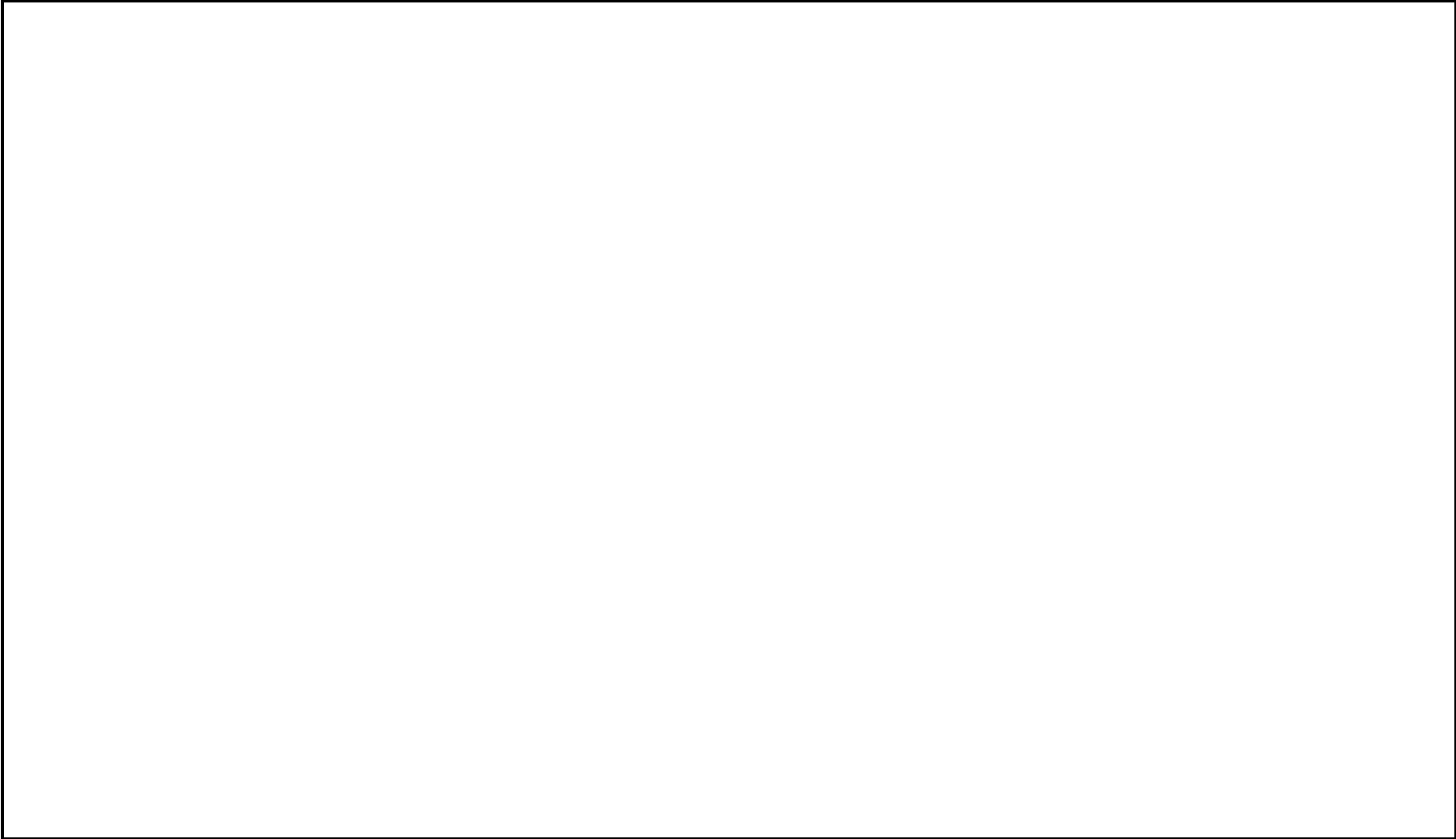
Trong quá trình hoạt động, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường./.

....., ngàytháng năm

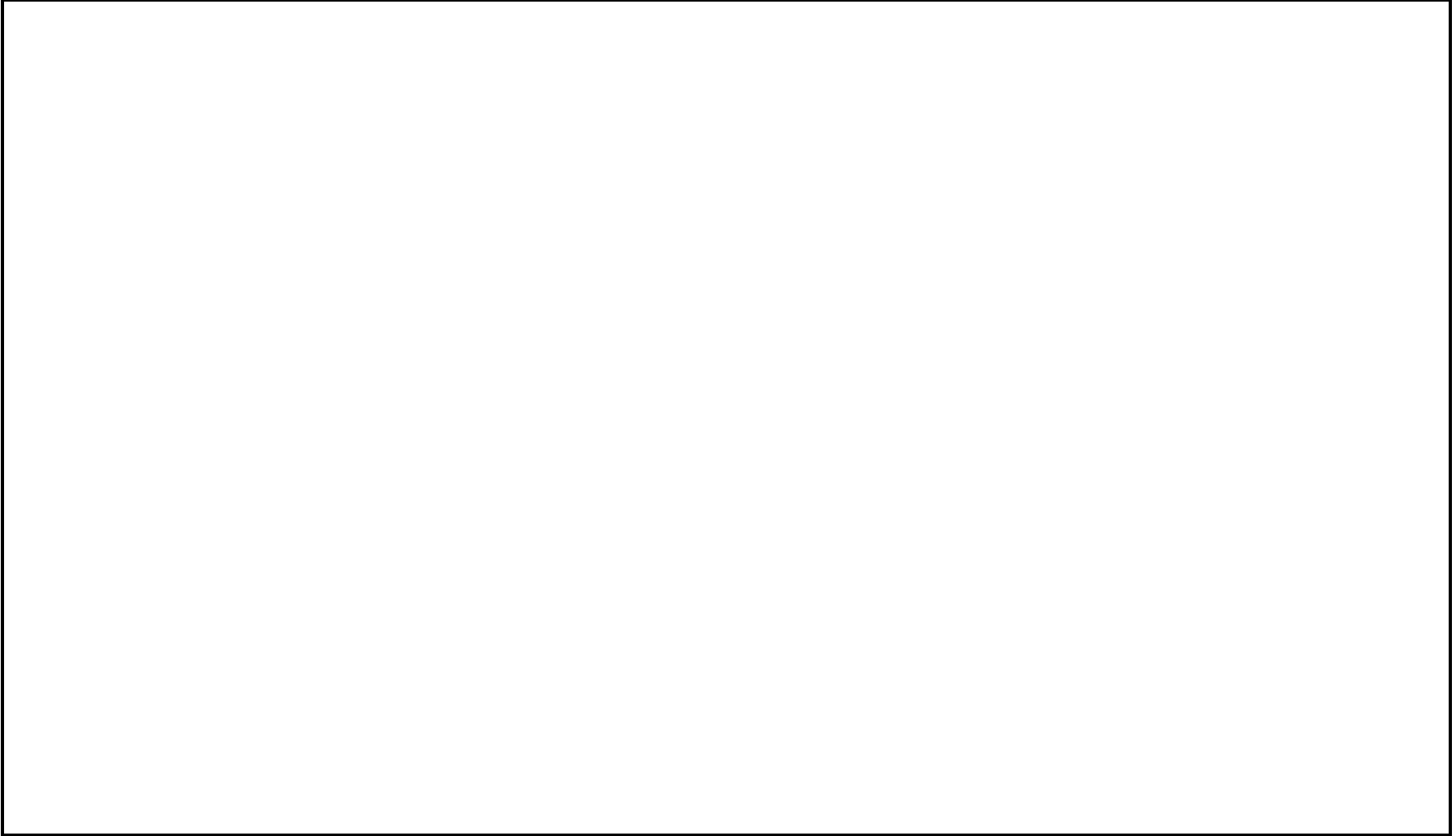
Chủ ao nuôi

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ AO NUÔI VÀ AO XỬ LÝ NƯỚC THẢI (*Vẽ bằng tay hoặc máy*)

(Địa chỉ:, tổ, ấp (khóm)
xã (phường, thị trấn), huyện (thị, thành phố), tỉnh An Giang



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ AO NUÔI VÀ AO XỬ LÝ NƯỚC THẢI (*Vẽ bằng tay hoặc máy*)



ĐỀ ÁN
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
HOẠT ĐỘNG NUÔI CÁ AO HẦM

- Cá nhân/đơn vị nuôi

- Khu vực nuôi:.....

....., tháng năm 200...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đề nghị xác nhận đề án bảo vệ
môi trường hoạt động nuôi cá ao hầm

....., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi:

Tôi tên là:, Chủ khu nuôi
cá ao hầm

- Địa điểm hoạt động:

- Địa chỉ liên hệ:

- Điện thoại:; Fax:

Xin gửi quý những hồ sơ sau:

- 03 (ba) bản Đề án bảo vệ môi trường hoạt động nuôi cá ao hầm;

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên và cam kết rằng: khu nuôi cá ao hầm của chúng tôi không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và theo quy định của các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các quy định được trích lục và sử dụng trong các hồ sơ nêu trên của chúng tôi là hoàn toàn đúng sự thực và đang còn hiệu lực áp dụng.

Nếu có gì sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị xác nhận đề án bảo vệ
môi trường cho khu nuôi cá ao hầm của chúng tôi.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu,

Chủ ao nuôi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....-GXN , ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Hoạt động nuôi cá ao hầm của

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn việc lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường hoạt động nuôi cá ao hầm kèm theo Văn bản đề nghị xác nhận số ngày/...../..... của

.....XÁC NHẬN

Điều 1. Xác nhận đã đăng ký và cam kết thực hiện đề án bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động nuôi cá ao hầm ngày ... tháng ... năm

Điều 2. Chủ khu nuôi cá ao hầm có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong đề án bảo vệ môi trường được xác nhận và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Xây dựng và vận hành đầy đủ các công trình thu gom và xử lý nước thải và các chất thải khác đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường trong suốt quá trình hoạt động. Đồng thời thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng chống sự cố môi trường đúng theo quy định.

2. Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo nội dung đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt. Định kỳ tối thiểu 02 lần/năm báo cáo kết quả giám sát môi trường về cơ quan phê duyệt đề án bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát.

3. Thời hạn hoàn thành các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường theo kế hoạch trong đề án được phê duyệt. Quá thời hạn nêu trên, chủ khu nuôi cá ao hầm không thực hiện, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền sẽ xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

4. Sau khi hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường phải có văn bản báo cáo cơ quan xác nhận về các nội dung đã hoàn thành để kiểm tra, giám sát.

Điều 3. Đề án bảo vệ môi trường hoạt động nuôi cá ao hầm và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Giấy xác nhận này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của khu nuôi cá.

Điều 4. Giấy xác nhận này giá trị kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ông/Bà;

-

- Lưu.

I. Sơ lược về tình hình hoạt động khu nuôi cá**1. Các thông tin chung:**

- Chủ ao nuôi:
- Địa chỉ liên lạc:, tổ, ấp (khóm), xã (phường, thị trấn), huyện (thị, thành phố), tỉnh An Giang.
- Số điện thoại:; Fax:
- Địa chỉ ao nuôi :, tổ, ấp (khóm), xã (phường, thị trấn), huyện (thị, thành phố), tỉnh An Giang.
- + Phía trước tiếp giáp với:
-
- + Phía sau tiếp giáp với:
-
- + Phía trái tiếp giáp với:
-
- + Phía phải tiếp giáp với:
-

2. Tóm tắt hiện trạng hoạt động của khu vực nuôi cá:

- Tổng diện tích đất khu nuôi:m².
- Tổng diện tích mặt nước:m².
- Số ao nuôi: ao.
 - + Diện tích ao 1: m²;
 - + Diện tích ao 2:..... m²;
 - + Diện tích ao 3: m²;
 - + Diện tích ao 4: m²;
 - +
 - +
 - +
- Ao xử lý nước thải: ao.
 - + Diện tích ao 1: m²;
 - + Diện tích ao 2:..... m²;
 - + Diện tích ao 3: m²;

- + Diện tích ao 4: m²;
- +
- Sản lượng sản xuất: vụ/năm; sản lượng thu hoạch: tấn/năm.
- Diện tích nhà kho, nhà ở công nhân:m².
- Diện tích đất còn lại:m².
- Số lượng Máy bơm nước sử dụng: máy
- Nhiên liệu sử dụng:
 - + Điện kW/tháng
 - + Dầu lít/tháng
 - + Khác: /tháng
- Loại thức ăn sử dụng
 - + Công nghiệp tấn/tháng
 - + Tự chế tấn/tháng
 - + Khác: tấn/tháng
- Nguồn cung cấp nước cho hoạt động nuôi cá:
 - + Sông m³/ngày đêm.
 - + Kênh m³/ngày đêm.
 - + Rạch m³/ngày đêm.
- Năm bắt đầu nuôi cá:
- Số lượng công nhân: người.

II. Thống kê, đánh giá các nguồn thải chính:

1. Đối với nước thải:

- Lượng nước thải phát sinh từ các ao nuôi cá:m³/ngày đêm.
- Môi trường tiếp nhận nước thải:
 - + Sông
 - + Kênh
 - + Rạch

2. Đối với chất thải rắn:

- Rác thải từ khu nuôi cá:
 - + Bao bì kg/ngày.
 - + Xác cá chết kg/ngày.
 - + Bùn ao m³/lần nạo vét.
- Rác thải sinh hoạt: kg/ngày.

3. Đối với khí thải, tiếng ồn

- Nguồn phát sinh khí thải:

+ Máy nổ

+ Lò nấu

+ Khác

- Nguồn phát sinh tiếng ồn:

+ Máy nổ

+ Khác

4. Chất thải khác (nếu có):

III. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường và kế hoạch thực hiện.

1. Các biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện:**Đối với nước thải:**

e. Xử lý tự nhiên

Diện tích mặt nước ao nuôi và ao xử lý theo tỉ lệ 1:1. Thời gian nước thải tồn lưu và tự lắng từ 24 – 28 giờ.

f. Xử lý tự nhiên phối hợp cây lục bình

Diện tích mặt nước ao xử lý có lục bình bằng 1/3 diện tích mặt nước ao nuôi. Thời gian nước thải tồn lưu và tự lắng từ 8 - 12 giờ.

g. Xử lý sinh học phối hợp cơ học

Diện tích mặt nước ao xử lý bằng 1/4 diện tích mặt nước ao nuôi. Nước thải trong ao xử lý được sục khí liên tục. Thời gian nước thải tồn lưu và tự lắng khoảng 8 giờ.

h. Xử lý bằng phương pháp khác:

Đối với rác thải:

❖ Rác thải từ khu nuôi cá:

- Bao bì:

+ Bán

+ Tái sử dụng

+ Khác

- Xác cá chết:

+ Chôn lấp hợp vệ sinh

- + Bán làm thức ăn cho cá
- + Khác
- Bùn ao:
 - + Ao chứa bùn
 - + Sân phơi bùn
 - + Khác

❖ Rác thải sinh hoạt:

- Chôn lấp
- Đốt
- Xe thu gom
- Khác

Đối với khí thải, tiếng ồn

- Khí thải:
 - + Gắn thiết bị lọc khí cho các máy nổ
 - + Trồng cây xanh xung quanh khu vực nuôi cá
 - + Khác
- Tiếng ồn:
 - + Lắp đặt thiết bị giảm thanh
 - + Xây hầm máy chứa các máy nổ
 - + Khác

Biện pháp giảm thiểu các tác động khác (nếu có):

2. Các biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện:**Đối với nước thải:**

- a. Xử lý tự nhiên

Diện tích mặt nước ao nuôi và ao xử lý theo tỉ lệ 1:1. Thời gian nước thải tồn lưu và tự lắng từ 24 – 28 giờ.

- b. Xử lý tự nhiên phối hợp cây lục bình

Diện tích mặt nước ao xử lý có lục bình bằng 1/3 diện tích mặt nước ao nuôi. Thời gian nước thải tồn lưu và tự lắng từ 8 - 12 giờ.

- c. Xử lý sinh học phối hợp cơ học

Diện tích mặt nước ao xử lý bằng 1/4 diện tích mặt nước ao nuôi. Nước thải trong ao xử lý được sục khí liên tục. Thời gian nước thải tồn lưu và tự lắng khoảng 8 giờ.

d. Xử lý bằng phương pháp khác:

Đối với rác thải:

❖ Rác thải từ khu nuôi cá:

- Bao bì:
 - + Bán
 - + Tái sử dụng
 - + Khác
- Xác cá chết:
 - + Chôn lấp hợp vệ sinh
 - + Bán làm thức ăn cho cá
 - + Khác
- Bùn ao:
 - + Ao chứa bùn
 - + Sân phơi bùn
 - + Khác

❖ Rác thải sinh hoạt:

- Chôn lấp
- Đốt
- Xe thu gom
- Khác

Đối với khí thải, tiếng ồn

- Khí thải:
 - + Gắn thiết bị lọc khí cho các máy nổ
 - + Trồng cây xanh xung quanh khu vực nuôi cá
 - + Khác
- Tiếng ồn: Lắp đặt thiết bị giảm thanh.
 - + Lắp đặt thiết bị giảm thanh.
 - + Xây hầm máy chứa các máy nổ
 - + Khác

Các công trình xử lý môi trường trên chúng tôi sẽ tiến hành triển khai thực hiện và đưa vào vận hành trong thời gian hạn chót là ngàytháng năm

IV. Chương trình giám sát môi trường

Giám sát nước thải sau xử lý:

- Vị trí lấy mẫu: 1 mẫu tại đầu ra của hệ thống xử lý;
- Tần suất giám sát là 02 lần/năm
- Các chỉ tiêu quan trắc: pH, chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, COD.
- Tiêu chuẩn áp dụng so sánh: Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5945 : 2005.

Chế độ báo cáo

Kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường và kết quả giám sát môi trường định kỳ gửi báo cáo về phòng Tài nguyên và Môi trường 02 lần/năm (trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm).

V. Cam kết thực hiện:

Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong đề án đưa trình. Các công việc nêu trên chúng tôi sẽ hoàn thành theo đúng nội dung, yêu cầu và tiến độ của đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận. Cam kết xử lý nước thải ao nuôi đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định.

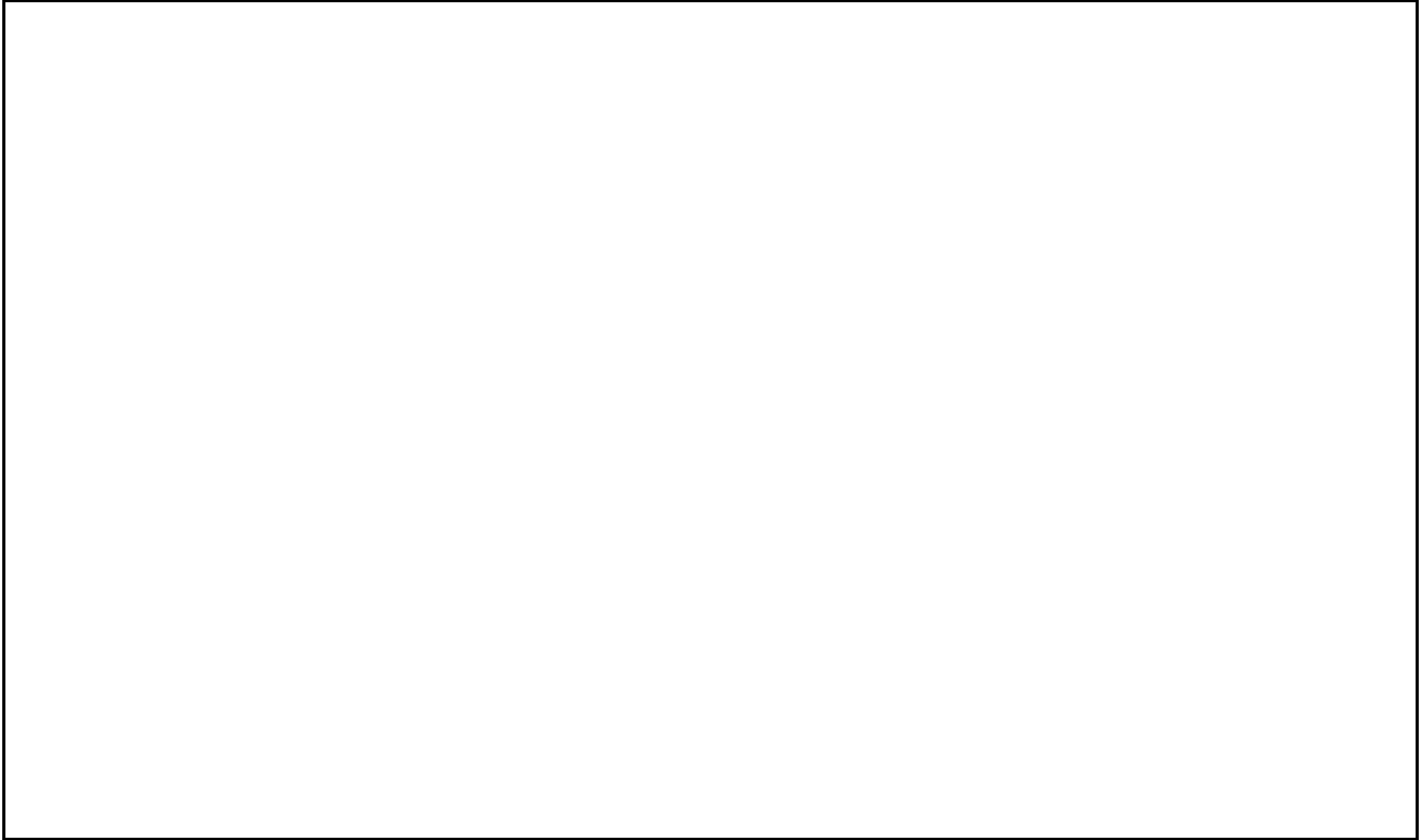
Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Chủ ao nuôi

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ AO NUÔI VÀ AO XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Vẽ bằng tay hoặc máy)

(Địa chỉ:, tổ, ấp (khóm),
xã (phường, thị trấn), huyện (thị, thành phố), tỉnh An Giang



ĐỀ ÁN
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
HOẠT ĐỘNG NUÔI CÁ AO HẦM

- Cá nhân/đơn vị nuôi
- Khu vực nuôi:.....

....., tháng năm 200...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đề nghị xác nhận đề án bảo vệ
môi trường hoạt động nuôi cá ao hầm

....., ngày ... tháng ... năm... ..

Kính gửi:

Tôi tên là:, Chủ khu nuôi
cá ao hầm

- Địa điểm hoạt động:

- Địa chỉ liên hệ:

- Điện thoại:; Fax:

Xin gửi quý những hồ sơ sau:

- 03 (ba) bản Đề án bảo vệ môi trường hoạt động nuôi cá ao hầm;

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên và cam kết rằng: khu nuôi cá ao hầm của chúng tôi không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và theo quy định của các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các quy định được trích lục và sử dụng trong các hồ sơ nêu trên của chúng tôi là hoàn toàn đúng sự thực và đang còn hiệu lực áp dụng.

Nếu có gì sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị xác nhận đề án bảo vệ
môi trường cho khu nuôi cá ao hầm của chúng tôi.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu,

Chủ ao nuôi

Số:/.....-GXN , ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Hoạt động nuôi cá ao hầm của

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn việc lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường hoạt động nuôi cá ao hầm kèm theo Văn bản đề nghị xác nhận số ngày/...../..... của

.....**XÁC NHẬN**

Điều 1. Xác nhận đã đăng ký và cam kết thực hiện đề án bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động nuôi cá ao hầm ngày ... tháng ... năm

Điều 2. Chủ khu nuôi cá ao hầm có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong đề án bảo vệ môi trường được xác nhận và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Xây dựng và vận hành đầy đủ các công trình thu gom và xử lý nước thải và các chất thải khác đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường trong suốt quá trình hoạt động. Đồng thời thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng chống sự cố môi trường đúng theo quy định.

2. Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo nội dung đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt. Định kỳ tối thiểu 02 lần/năm báo cáo kết quả giám sát môi trường về cơ quan phê duyệt đề án bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát.

3. Thời hạn hoàn thành các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường theo kế hoạch trong đề án được phê duyệt. Quá thời hạn nêu trên, chủ khu nuôi cá ao hầm không thực hiện, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền sẽ xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

4. Sau khi hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường phải có văn bản báo cáo cơ quan xác nhận về các nội dung đã hoàn thành để kiểm tra, giám sát.

Điều 3. Đề án bảo vệ môi trường hoạt động nuôi cá ao hầm và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Giấy xác nhận này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của khu nuôi cá.

Điều 4. Giấy xác nhận này giá trị kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ông/Bà

-

- Lưu.

I. Sơ lược về tình hình hoạt động khu nuôi cá**1. Các thông tin chung:**

- Chủ ao nuôi:
- Địa chỉ liên lạc:, tổ, ấp (khóm), xã (phường, thị trấn), huyện (thị, thành phố), tỉnh An Giang.
- Số điện thoại:; Fax:
- Địa chỉ ao nuôi :, tổ, ấp (khóm), xã (phường, thị trấn), huyện (thị, thành phố), tỉnh An Giang.
- + Phía trước tiếp giáp với:
-
- + Phía sau tiếp giáp với:
-
- + Phía trái tiếp giáp với:
-
- + Phía phải tiếp giáp với:
-

2. Tóm tắt hiện trạng hoạt động của khu vực nuôi cá:

- Tổng diện tích đất khu nuôi:m².
- Tổng diện tích mặt nước:m².
- Số ao nuôi: ao.
 - + Diện tích ao 1: m²;
 - + Diện tích ao 2:..... m²;
 - + Diện tích ao 3: m²;
 - + Diện tích ao 4: m²;
 - +
 - +
 - +
- Ao xử lý nước thải: ao.
 - + Diện tích ao 1: m²;
 - + Diện tích ao 2:.... m²;
 - + Diện tích ao 3: m²;

+ Diện tích ao 4: m²;

- +
- Sản lượng sản xuất: vụ/năm; sản lượng thu hoạch: tấn/năm.
- Diện tích nhà kho, nhà ở công nhân: m².
- Diện tích đất còn lại: m².
- Số lượng Máy bơm nước sử dụng: máy
- Nhiên liệu sử dụng:
 - + Điện kW/tháng
 - + Dầu lít/tháng
 - + Khác: /tháng
- Loại thức ăn sử dụng
 - + Công nghiệp tấn/tháng
 - + Tự chế tấn/tháng
 - + Khác: tấn/tháng
- Nguồn cung cấp nước cho hoạt động nuôi cá:
 - + Sông m³/ngày đêm.
 - + Kênh m³/ngày đêm.
 - + Rạch m³/ngày đêm.
- Năm bắt đầu nuôi cá:
- Số lượng công nhân: người.

II. Thống kê, đánh giá các nguồn thải chính:

1. Đối với nước thải:

- Lượng nước thải phát sinh từ các ao nuôi cá: m³/ngày đêm.
- Môi trường tiếp nhận nước thải:
 - + Sông
 - + Kênh
 - + Rạch

2. Đối với chất thải rắn:

- Rác thải từ khu nuôi cá:
 - + Bao bì kg/ngày.
 - + Xác cá chết kg/ngày.
 - + Bùn ao m³/lần nạo vét.
- Rác thải sinh hoạt: kg/ngày.

3. Đối với khí thải, tiếng ồn

- Nguồn phát sinh khí thải:

+ Máy nổ

+ Lò nấu

+ Khác

- Nguồn phát sinh tiếng ồn:

+ Máy nổ

+ Khác

5. Chất thải khác (nếu có):

III. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường và kế hoạch thực hiện.

1. Các biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện:

Đối với nước thải:

i. Xử lý tự nhiên

Diện tích mặt nước ao nuôi và ao xử lý theo tỉ lệ 1:1. Thời gian nước thải tồn lưu và tự lắng từ 24 – 28 giờ.

j. Xử lý tự nhiên phối hợp cây lục bình

Diện tích mặt nước ao xử lý có lục bình bằng 1/3 diện tích mặt nước ao nuôi. Thời gian nước thải tồn lưu và tự lắng từ 8 - 12 giờ.

k. Xử lý sinh học phối hợp cơ học

Diện tích mặt nước ao xử lý bằng 1/4 diện tích mặt nước ao nuôi. Nước thải trong ao xử lý được sục khí liên tục. Thời gian nước thải tồn lưu và tự lắng khoảng 8 giờ.

l. Xử lý bằng phương pháp khác:

Đối với rác thải:

❖ Rác thải từ khu nuôi cá:

- Bao bì:

+ Bán

+ Tái sử dụng

+ Khác

- Xác cá chết:

+ Chôn lấp hợp vệ sinh

- ~~+ Bán làm thực ăn cho cá~~
- + Khác
- Bùn ao:
 - + Ao chứa bùn
 - + Sân phơi bùn
 - + Khác

❖ Rác thải sinh hoạt:

- Chôn lấp
- Đốt
- Xe thu gom
- Khác

Đối với khí thải, tiếng ồn

- Khí thải:
 - + Gắn thiết bị lọc khí cho các máy nổ
 - + Trồng cây xanh xung quanh khu vực nuôi cá
 - + Khác
- Tiếng ồn:
 - + Lắp đặt thiết bị giảm thanh
 - + Xây hầm máy chứa các máy nổ
 - + Khác

Biện pháp giảm thiểu các tác động khác (nếu có):

2. Các biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện:

Đối với nước thải:

- e. Xử lý tự nhiên

Diện tích mặt nước ao nuôi và ao xử lý theo tỉ lệ 1:1. Thời gian nước thải tồn lưu và tự lắng từ 24 – 28 giờ.

- f. Xử lý tự nhiên phối hợp cây lục bình

Diện tích mặt nước ao xử lý có lục bình bằng 1/3 diện tích mặt nước ao nuôi. Thời gian nước thải tồn lưu và tự lắng từ 8 - 12 giờ.

- g. Xử lý sinh học phối hợp cơ học

~~Diện tích mặt nước ao xử lý bằng 1/4 diện tích mặt nước ao nuôi. Nước thải trong ao xử lý được sục khí liên tục. Thời gian nước thải tồn lưu và tự lắng khoảng 8 giờ.~~

h. Xử lý bằng phương pháp khác:

Đối với rác thải:

❖ Rác thải từ khu nuôi cá:

- Bao bì:

+ Bán

+ Tái sử dụng

+ Khác

- Xác cá chết:

+ Chôn lấp hợp vệ sinh

+ Bán làm thức ăn cho cá

+ Khác

- Bùn ao:

+ Ao chứa bùn

+ Sân phơi bùn

+ Khác

❖ Rác thải sinh hoạt:

- Chôn lấp

- Đốt

- Xe thu gom

- Khác

Đối với khí thải, tiếng ồn

- Khí thải:

+ Gắn thiết bị lọc khí cho các máy nổ

+ Trồng cây xanh xung quanh khu vực nuôi cá

+ Khác

- Tiếng ồn: Lắp đặt thiết bị giảm thanh.

+ Lắp đặt thiết bị giảm thanh.

+ Xây hầm máy chứa các máy nổ

+ Khác

~~CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG TRÊN CHUNG TÔI SẼ TIẾN HÀNH~~
~~CÔNG BÁO/SỐ.05+06/NGÀY 30-6-2009~~ 77

~~Các công trình xử lý môi trường trên chung tôi sẽ tiến hành triển khai thực hiện và đưa vào vận hành trong thời gian hạn chót là ngàytháng năm~~

IV. Chương trình giám sát môi trường

Giám sát nước thải sau xử lý:

- Vị trí lấy mẫu: 1 mẫu tại đầu ra của hệ thống xử lý;
- Tần suất giám sát là 02 lần/năm
- Các chỉ tiêu quan trắc: pH, chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, COD.
- Tiêu chuẩn áp dụng so sánh: Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5945 : 2005.

Chế độ báo cáo

Kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường và kết quả giám sát môi trường định kỳ gửi báo cáo về phòng Tài nguyên và Môi trường 02 lần/năm (trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm).

V. Cam kết thực hiện:

Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong đề án đưa trình. Các công việc nêu trên chúng tôi sẽ hoàn thành theo đúng nội dung, yêu cầu và tiến độ của đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận. Cam kết xử lý nước thải ao nuôi đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định.

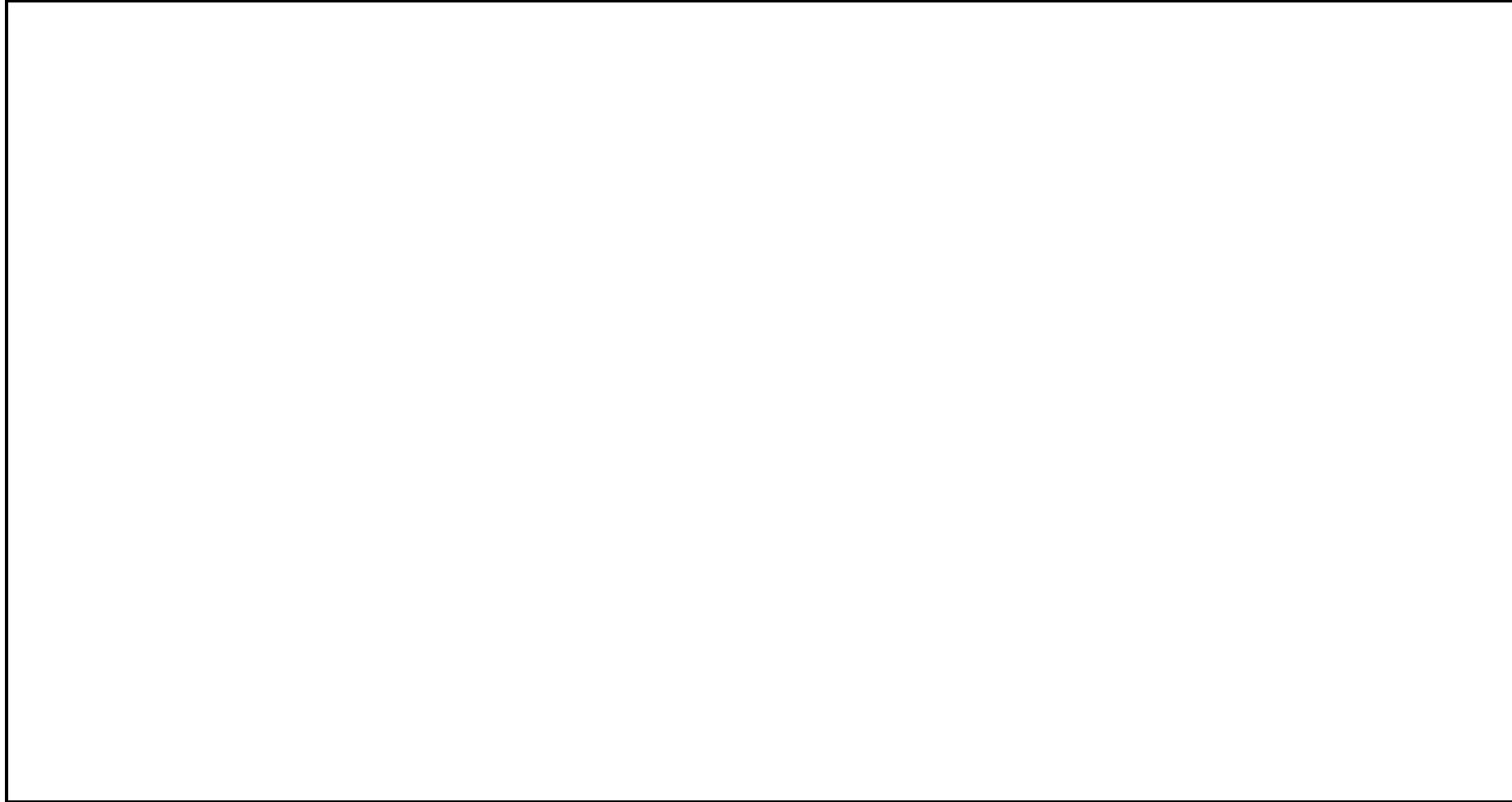
Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Chủ ao nuôi

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ AO NUÔI VÀ AO XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Vẽ bằng tay hoặc máy)

(Địa chỉ:, tổ, ấp (khóm),
xã (phường, thị trấn), huyện (thị, thành phố), tỉnh An Giang



**THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐĂNG KIỂM BÈ CÁ
ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN, CHUYỂN DỊCH SỞ HỮU**

I-ĐĂNG KÝ BÈ CÁ:**1-Bè cá đóng mới, cải hoán:**

- Tờ khai đăng ký bè cá;
- Tờ khai nguồn gốc phương tiện nghề cá;
- Đơn xin neo đậu bè cá;
- Tờ khai xin đóng mới, sửa chữa lớn, cải hoán trang bị lại bè cá;
- Hóa đơn mua bồn cầu tự hoại hợp lệ và được gắn thực tế trên bè cá;
- Biên bản kiểm tra kỹ thuật đóng mới/lần đầu/ sửa chữa lớn.

Thời gian thực hiện:

Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký bè cá không quá 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lệ phí cấp phép:

- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện nghề cá 40.000 đ/lần

2- Bè chuyển dịch sở hữu:

Hồ sơ gồm có:

- Tờ khai đăng ký bè cá;
- Đơn xin neo đậu bè cá;
- Giấy tờ chuyển nhượng theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- Giấy chứng nhận đăng ký cũ của bè cá;
- Sổ chứng nhận khả năng hoạt động bè cá cũ;
- Biên bản kiểm tra kỹ thuật;

-Thời gian thực hiện :

Cơ quan đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký bè cá không quá 7 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ .

-Lệ phí cấp phép:

- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện nghề cá 40.000 đ/lần

II-ĐĂNG KIỂM BÈ CÁ:

Đăng kiểm bè cá gồm: xét duyệt thiết kế, kiểm tra các bè cá trong đóng mới, sửa chữa, cải hoán và kiểm tra trong sử dụng.

Việc đăng kiểm bè cá được thực hiện với các bè cá có tổng dung tích từ 50 tấn đăng ký trở lên.

Sau khi đăng kiểm, cơ quan đăng kiểm sẽ cấp 01 Sổ Chứng nhận khả năng hoạt động, thời hạn của Sổ Chứng nhận khả năng hoạt động là 1 năm. Hàng năm bè cá phải được kiểm tra đánh giá trạng thái kỹ thuật của thân bè và các trang thiết bị nhằm gia hạn cho sổ chứng nhận khả năng hoạt động của bè.

Thời gian thực hiện :

Cơ quan đăng ký, đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ đầy đủ cấp Giấy Chứng nhận đăng ký tàu cá và Sổ Chứng nhận khả năng hoạt động bè cá không quá 7 ngày.

Lệ phí cấp phép:

Phí kiểm tra an toàn phương tiện-Kiểm tra phân vỏ theo dung tích TDK

- Kiểm tra lần đầu 3.500 đ/TDK

BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
HOẠT ĐỘNG NUÔI CÁ BÈ

- Cá nhân/đơn vị nuôi:
- Địa điểm nuôi:
-

....., tháng năm 200

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:.....

V/v đề nghị xác nhận đăng ký
bản cam kết bảo vệ môi trường
cho hoạt động nuôi cá bè

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi:

Tôi tên là:

Chủ bè

Số đăng ký:.....

Địa điểm nuôi:.....

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:..... Fax:..... Email.....

Xin gửi đến: những hồ sơ sau:

- 05 (năm) bản cam kết bảo vệ môi trường của hoạt động nuôi cá bè.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên và cam kết rằng: Dự án của chúng tôi không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và quy định của các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định được trích lục và sử dụng trong các hồ sơ nêu trên của chúng tôi là đúng sự thực và đang có hiệu lực áp dụng.

Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghịxem xét,
đăng ký và cấp giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của hoạt động nuôi bè.

Chủ bè

Nơi nhận:

Như trên;
- Lưu.

.....
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....-GXN , ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Hoạt động nuôi cá bè của “.....”

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Ông (Bà),

..... **XÁC NHẬN**

Điều 1. Chủ bè cá là đã có Văn bản số ngày tháng ... năm đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường cho hoạt động nuôi cá bè.

Điều 2. Chủ bè cá có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Mỗi bè phải lắp đặt thùng rác và lắp đặt cầu xí hợp vệ sinh phục vụ cho sinh hoạt trên bè.

2. Neo đậu lộng, bè nuôi trồng thủy sản đúng theo khu quy hoạch và chấp hành di dời khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Khi triển khai thực hiện nếu có gây ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường thì phải có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Bản cam kết bảo vệ môi trường của hoạt động nuôi cá bè và Giấy xác nhận này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công và vận hành của hoạt động nuôi cá bè.

Điều 4. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ông/Bà
-
- Lưu.

I. THÔNG TIN CHUNG

7.1. Chủ bè:

7.2. Địa chỉ liên hệ:, tổ ấp (khóm), xã (phường, thị trấn), huyện (thị, thành phố), tỉnh An Giang.

7.3. Phương tiện liên lạc:

Số điện thoại: Số Fax:

I. ĐỊA ĐIỂM NUÔI

Địa chỉ nuôi: tổ, ấp (khóm), xã (phường, thị trấn), huyện (thị, thành phố), tỉnh An Giang.

- Phía trước tiếp giáp với:
- Phía sau tiếp giáp với:
- Phía phải tiếp giáp với:
- Phía trái tiếp giáp với:

II. QUY MÔ NUÔI

2.1. Tổng diện tích mặt nước: m^2 .

2.2. Số lượng bè nuôi: bè.

3.2.1. Chi tiết bè 1:

- Số đăng ký:.....
- Kích thước bè tối đa: dàim, rộngm, caom
- Diện tích bè nuôi cá: m^2 .
- Thể tích bè dùng để chặn nuôi: m^3 .

3.2.2. Chi tiết bè 2:

- Số đăng ký:.....
- Kích thước bè tối đa: dàim, rộngm, caom
- Diện tích bè nuôi cá: m^2 .
- Thể tích bè dùng để chặn nuôi: m^3 .

3.2.3. Chi tiết bè 3:

- Số đăng ký:.....
- Kích thước bè tối đa: dàim, rộngm, caom
- Diện tích bè nuôi cá: m^2 .

– Thể tích bè dùng để chăn nuôi: m³.

.....

2.3. Sản
 lượng sản xuất : vụ/năm, sản lượng thu hoạch: tấn/năm

2.4. Số
 lượng công nhân: người.

2.5. Dự kiến
 ngày đi vào hoạt động của bè nuôi:

2.6. Loại thức ăn sử dụng:

- Công nghiệp: tấn/tháng.
- Tự chế: tấn/tháng.
- Khác: tấn/tháng.

III. CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

3.1. Các loại chất thải phát sinh:

4.1.1 Nước thải:

– Nước thải sinh hoạt: m³/ngày.đêm.

4.1.2. Rác thải:

– Rác thải từ hoạt động nuôi cá:

- + Bao bì kg/ngày.
- + Xác cá chết kg/ngày.
- + Khác

– Rác thải sinh hoạt: kg/ngày.

4.1.3 Chất thải khác (nếu có):

3.2. Các
 tác động khác (nếu có):

IV. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC

4.1. Biện pháp xử lý rác thải:

5.1.1. Rác thải từ hoạt động nuôi cá:

- Bao bì:
 - + Bán
 - + Tái sử dụng

+ Khác

- Xác cá chết:

+ Vận chuyển lên bờ chôn lấp hợp vệ sinh

+ Bán làm thức ăn cho cá

+ Khác

5.1.2. *Rác thải sinh hoạt:*

- Vận chuyển lên bờ chôn lấp

- Vận chuyển lên bờ đốt

- Xe thu gom

- Khác

4.2. Biện pháp xử lý nước thải:

- Xử lý bằng bồn tự hoại:

- Khác

4.3. Biện pháp giảm thiểu các tác động khác (nếu có):

V. CAM KẾT THỰC HIỆN

Cam kết không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định, không thải bất cứ chất thải nào khác gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

Neo đậu lồng, bè nuôi trồng thủy sản đúng theo khu quy hoạch và chấp hành di dời khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Chọn các loại thức ăn có chất lượng cao, giảm lượng thực vật trong khẩu phần thức ăn, tăng cường độ kết dính của thức ăn nhằm giảm nguồn thải từ phân thủy sản ra môi trường nước. Không sử dụng các loại thức ăn cho thủy sản đã thối rữa, các loại thức ăn cho thủy sản được bảo quản bằng các chất độc hại.

Mỗi bè phải lắp đặt thùng rác và lắp đặt cầu xí hợp vệ sinh phục vụ cho sinh hoạt trên bè.

Thực hiện vệ sinh trong và xung quanh lồng, bè nuôi thủy sản. Không để các loại chất đốt hoặc tro rơi vãi trên sông, không để các loại thực vật, động vật tồn đọng xung quanh bè.

Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động khác nêu trong bản cam kết đã được xác nhận.

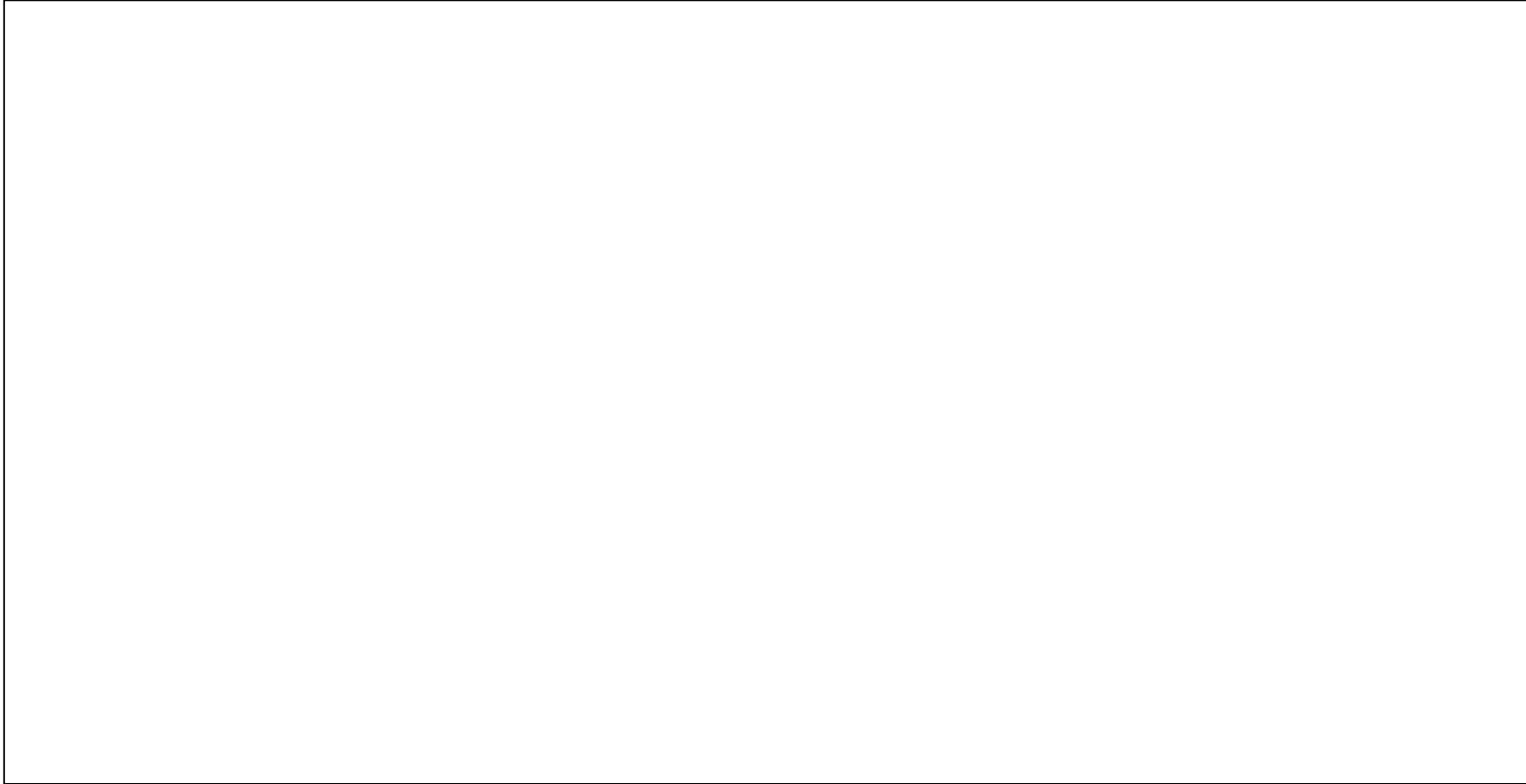
Trong quá trình hoạt động, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường./.

....., ngàytháng năm

Chủ bè

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ KHU VỰC NEO ĐẬU BÈ
(Vẽ bằng tay hoặc máy)

Địa chỉ:, tổ, ấp (khóm), xã (phường, thị trấn),
huyện (thị, thành phố).....,



**ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
HOẠT ĐỘNG NUÔI CÁ BÈ**

- Cá nhân/đơn vị nuôi:
- Địa điểm nuôi:
-

....., tháng năm 200

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:.....

V/v đề nghị xác nhận đề án bảo vệ
môi trường cho hoạt động nuôi cá bè

....., ngày thángnăm.....

Kính gửi:

Tôi tên là:

Chủ bè

Số đăng ký:

Địa điểm nuôi:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: Fax: Email

Xin gửi đến: những hồ sơ sau:

- 03 (ba) bản đề án Bảo vệ môi trường của hoạt động nuôi cá bè;

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên và cam kết rằng: Dự án của chúng tôi không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và quy định của các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định được trích lục và sử dụng trong các hồ sơ nêu trên của chúng tôi là đúng sự thực và đang có hiệu lực áp dụng.

Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghịxem xét,
xác nhận đề án bảo vệ môi trường của hoạt động nuôi cá bè.

Chủ bè

Nơi nhận:

Như trên;
- Lưu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....-GXN , ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Hoạt động nuôi cá bè của

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn việc lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường hoạt động nuôi cá bè kèm theo Văn bản đề nghị xác nhận số ngày/...../..... của

.....**XÁC NHẬN**

Điều 1. Xác nhận đã đăng ký và cam kết thực hiện đề án bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động nuôi cá bè ngày ... tháng ... năm

Điều 2. Chủ khu nuôi cá bè có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong đề án bảo vệ môi trường được xác nhận và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Lắp đặt và vận hành đầy đủ các công trình thu gom và xử lý nước thải và các chất thải khác đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường trong suốt quá trình hoạt động. Đồng thời thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng chống sự cố môi trường đúng theo quy định.

2. Thời hạn hoàn thành các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường theo kế hoạch trong đề án được phê duyệt. Quá thời hạn nêu trên, chủ khu nuôi cá bè không thực hiện, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền sẽ xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường phải có văn bản báo cáo cơ quan xác nhận về các nội dung đã hoàn thành để kiểm tra, giám sát.

Điều 3. Đề án bảo vệ môi trường hoạt động nuôi cá bè và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Giấy xác nhận này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của bè cá.

Điều 4. Giấy xác nhận này giá trị kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ông/Bà;
-
- Lưu.

I. THÔNG TIN CHUNG

5.1. Chủ
bè:

5.2. Địa chỉ liên hệ:, tổ ấp (khóm), xã (phường, thị trấn), huyện (thị, thành phố), tỉnh An Giang.

5.3.

Phương tiện liên lạc:

Số điện thoại: Số Fax:

VI. ĐỊA ĐIỂM NUÔI

Địa chỉ nuôi: tổ, ấp (khóm), xã (phường, thị trấn), huyện (thị, thành phố), tỉnh An Giang.

- Phía trước tiếp giáp với:
- Phía sau tiếp giáp với:
- Phía phải tiếp giáp với:
- Phía trái tiếp giáp với:

VII. QUY MÔ NUÔI

7.1. Tổng diện tích mặt nước: m^2 .

7.2. Số
lượng bè nuôi: bè.

3.2.1. Chi tiết bè 1:

- Số đăng ký:
- Kích thước bè tối đa: dàim, rộngm, caom
- Diện tích bè nuôi cá: m^2 .
- Thể tích bè dùng để chẵn nuôi: m^3 .

3.2.2. Chi tiết bè 2:

- Số đăng ký:
- Kích thước bè tối đa: dàim, rộngm, caom
- Diện tích bè nuôi cá: m^2 .
- Thể tích bè dùng để chẵn nuôi: m^3 .

3.2.3. Chi tiết bè 3:

- Số đăng ký:
- Kích thước bè tối đa: dàim, rộngm, caom
- Diện tích bè nuôi cá: m^2 .

- Thể tích bè dùng để chăn nuôi: m³.

.....

..... Sản lượng sản xuất : vụ/năm, sản lượng thu hoạch: tấn/năm

7.3. Số lượng công nhân: người.

7.4. Ngày bắt đầu nuôi bè :

7.5. Loại thức ăn sử dụng:

- Công nghiệp: tấn/tháng
 – Tự chế: tấn/tháng
 – Khác: tấn/tháng.

VIII. CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

8.1. 4.1. Các loại chất thải phát sinh:

4.1.1 Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: m³/ngày.đêm.

4.1.2. Rác thải:

– Rác thải từ hoạt động nuôi cá:

- + Bao bì kg/ngày.
 + Xác cá chết kg/ngày.
 + Khác

– Rác thải sinh hoạt: kg/ngày.

4.1.4 Chất thải khác (nếu có):

8.2. 4.2.
 Các tác động khác (nếu có):

IX. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC

5.1. Các biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện

5.1.1. Biện pháp xử lý rác thải:

- Rác thải từ hoạt động nuôi cá:

- Bao bì:

+ Bán

+ Tái sử dụng

+ Khác

- Xác cá chết:
- + Chuyển lên bờ chôn lấp hợp vệ sinh
- + Bán làm thức ăn cho cá
- + Khác

➤ *Rác thải sinh hoạt:*

- Chuyển lên bờ chôn lấp
- Chuyển lên bờ đốt
- Xe thu gom
- Khác

5.1.2 Biện pháp xử lý nước thải:

- Xử lý bằng bồn tự hoại:
- Khác

5.1.3 Biện pháp giảm thiểu các tác động khác (nếu có):

5.2.Các biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện

5.2.1. Biện pháp xử lý rác thải:

➤ *Rác thải từ hoạt động nuôi cá:*

- Bao bì:
 - + Bán
 - + Tái sử dụng
 - + Khác
- Xác cá chết:
 - + Chuyển lên bờ chôn lấp hợp vệ sinh
 - + Bán làm thức ăn cho cá
 - + Khác

➤ *Rác thải sinh hoạt:*

- Chuyển lên bờ chôn lấp
- Chuyển lên bờ đốt
- Xe thu gom
- Khác

- Xác cá chết:
- + Chuyển lên bờ chôn lấp hợp vệ sinh
- + Bán làm thức ăn cho cá
- + Khác

5.2.2 Biện pháp xử lý nước thải:

- Xử lý bằng bồn tự hoại:
- Khác

5.2.3 Biện pháp giảm thiểu các tác động khác (nếu có):

Các công trình xử lý môi trường trên chúng tôi sẽ tiến hành triển khai thực hiện và đưa vào vận hành trong thời gian hạn chót là ngàytháng năm

X. CAM KẾT THỰC HIỆN

Cam kết không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định, không thải bất cứ chất thải nào khác gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

Neo đậu lồng, bè nuôi trồng thủy sản đúng theo khu quy hoạch và chấp hành di dời khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Chọn các loại thức ăn có chất lượng cao, giảm lượng thực vật trong khẩu phần thức ăn, tăng cường độ kết dính của thức ăn nhằm giảm nguồn thải từ phân thủy sản ra môi trường nước. Không sử dụng các loại thức ăn cho thủy sản đã thối rữa, các loại thức ăn cho thủy sản được bảo quản bằng các chất độc hại.

Mỗi bè phải lắp đặt thùng rác và lắp đặt cầu xí hợp vệ sinh phục vụ cho sinh hoạt trên bè.

Thực hiện vệ sinh trong và xung quanh lồng, bè nuôi thủy sản. Không để các loại chất đốt hoặc tro rơi vãi trên sông, không để các loại thực vật, động vật tồn đọng xung quanh bè.

Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động khác nêu trong bản đề án đã được xác nhận.

Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong đề án đưa trình. Các công việc nêu trên chúng tôi sẽ hoàn thành theo đúng nội dung, yêu cầu và tiến độ của đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận.

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

....., ngàytháng năm

Chủ bè

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ KHU VỰC NEO ĐẬU BÈ
(Vẽ bằng tay hoặc máy)

Địa chỉ:, tổ, ấp (khóm), xã (phường, thị trấn),
huyện (thị, thành phố)....., tỉnh An Giang



KẾT QUẢ KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN NUÔI THỦY SẢN THƯƠNG PHẨM

(Kèm theo Biên bản kiểm tra số...../BB-CLTY ngày.....)

1. Tên cơ sở được kiểm tra:

Điện

2. Địa chỉ:

thoại:

Fax:

3. Thời điểm kiểm tra:

4. Hình thức kiểm tra:

5. Kết quả kiểm tra theo từng tiêu chí:

TT	Nội dung kiểm tra	Tham chiếu	Đánh giá			Biện pháp khắc phục	Thời điểm hoàn thành
			Điểm tối đa/tối thiểu	Điểm đánh giá	Diễn giải		
1	Vị trí cơ sở nuôi thủy sản thương phẩm	-Điểm a Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 33/2005/NĐ-CP -K.2Đ12NĐ 59 /2005/NĐ-CP	15				
2	Cơ sở vật chất và các trang thiết bị kỹ thuật	-Khoản 2 Điều 12 Pháp lệnh thú y 2004; -Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 33/2005/NĐ-CP	20				
2.1	Khu hành chính, nhà ở công nhân, phòng máy		1				

2.2	Khu vực phòng xét nghiệm (nếu có)	khoản b.c Điều 11 Nghị định số 59 /2005/NĐ-CP	1				
2.3	Khu vực nhà kho bảo quản thức ăn, thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, vật tư,...		5				
2.4	Nơi ương thủy sản giống (nếu có)		1				
2.5	Thiết kế ao đầm nuôi		6				
2.6	Thiết kế, dụng cụ chăm sóc		3				
2.7	Khu vệ sinh		3				
3	Hệ thống cấp thoát nước	-Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 33/2005/NĐ-CP	15				
3.1	Có kênh cấp nước, thoát nước riêng biệt		10				
3.2	Hệ thống xử lý nước cấp/ hệ thống ao lắng, lọc		5				

4	Hệ thống xử lý nước thải/chất thải	Khoản 3 Điều 12 ND số	10				
4.1	Cơ sở vật chất, kỹ thuật	59/2005/ND-CP-Mục d, f Khoản 2 Điều 7 ND số 33/2005/ND-CP ngày 4/5/2005	5				
4.2	Phương pháp xử lý		5				
5	Thực hành sản xuất		30				
5.1	Sử dụng thức ăn, thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học		5/4				
5.2	Bảo quản thức ăn, thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học		2				
5.3	Vệ sinh, khử trùng, tiêu độc sau mỗi đợt nuôi		5				
5.4	Thời gian gián đoạn sau mỗi vụ nuôi		3				

5.5	Kiểm tra, xét nghiệm bệnh thủy sản		2			
5.6	Biện pháp ngăn chặn nguồn lây nhiễm bệnh từ bên ngoài		3			
5.7	Biện pháp xử lý khi thủy sản bị bệnh		10			
6	Hồ sơ quản lý		10			
6.1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	-Điểm e, khoản 1 Nghị định số 59 /2005/NĐ-CP Đ29, 31NĐ 33/2005/NĐ-CP	1			
6.2	Hồ sơ theo dõi quá trình nuôi thủy sản		5/2			
6.3	Hồ sơ mua giống, kiểm dịch khi mua giống		4/2			
	Tổng cộng:					

Xếp loại: - Dưới 50 điểm: Không đạt
 - Từ 50 đến 70: Trung bình (không điểm liệt)
 - Lớn hơn 70 đến 90:Khá (không điểm liệt)
 - Lớn hơn 90 đến 100:Tốt (không điểm liệt)

Kết luận:

Đại diện Doanh nghiệp

Đại diện đoàn kiểm tra